

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2018

V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Khánh Vân

Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim A - Sinh năm: 1987 (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: tổ 1, ấp T, xã P, huyện, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: ấp Thạnh Sơn 3, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim A trình bày:

Vào năm 2006, bà Trần Thị Kim A và ông Nguyễn C tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014 quyển số 1 ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông C là người nghiện ma túy nên thường xuyên đi chơi cùng bạn bè vắng nhà nhiều ngày không rõ lý do; mỗi khi ở nhà thì ông C không quan tâm, lo lắng cho cuộc sống gia đình mà lại uống rượu đập phá tài sản trong gia đình và đánh đuổi bà A. Bà A đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương để nhờ can thiệp. Trong thời gian chung sống, bà A và ông C ly thân nhau rất nhiều lần và lần gần đây nhất là tháng 11-2017. Nay, bà A xác định mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm với ông C nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà A xác định vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Hoài Nam, sinh ngày 25-10-2006 và Nguyễn Thị Bạch Tuyết, sinh ngày 28-7- 2009. Từ thời điểm ly thân đến nay, các con chung sống trực tiếp với bà A. Nay, bà A có yêu cầu tiếp tục nuôi 2 con chung, tôi không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn C:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn C vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện ông C có đăng ký nhân khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ bà A cung cấp nhưng thường vắng nhà và không hợp tác nên không lấy được ý kiến của ông C.

Đại diện VKS nhân dân huyện Xuyên Mộc phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn C triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn C có nơi cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn C đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Chiến.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim A và ông Nguyễn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện X ngày 10-3-2014. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nay, bà A yêu cầu ly hôn ông C với lý do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông C thường uống rượu về đập phá tài sản, đánh đuổi bà A đồng thời ông C bị nghiện ma túy nên không quan tâm, lo lắng cho gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của bà A nêu trên phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại ban ấp, UBND xã P và Công An xã P. Theo đó, xác định được rằng, quá trình chung sống, vợ chồng bà Trần Thị Kim A thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau, nhiều lần sống ly thân và bà A cũng nhiều lần đến Công An xã trình báo sự việc. Từ tháng 11 năm 2017 đến nay, ông C và bà A sống ly thân, không còn quan hệ với nhau cả tình cảm lẫn kinh tế, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C nhiều lần đến hòa giải và tham gia phiên tòa nhằm tạo điều kiện để vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông C đã không có mặt, bỏ mặc bà A muốn làm gì thì làm điều đó thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông C đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên căn cứ khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim A.

[2.2] Về con chung: Bà A xác định vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 25-10-2006 và Nguyễn Thị Bạch T, sinh ngày 28-7-2009. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân thì bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét các con chung đang sống ổn định với bà A, các cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, bà A có đủ điều kiện để nuôi con, ông C không có nghề nghiệp gì đồng thời theo nguyện vọng của các con chung mong muốn được ở với mẹ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông C không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Do đó, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử giao các con chung cho bà A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà A không có yêu cầu; ông C cũng không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Về án phí:** Bà Trần Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim A. Bà Trần Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn C.

2. *Về con chung:* Bà Trần Thị Kim A được quyền trực tiếp nuôi hai con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 25-10-2006 và Nguyễn Thị Bạch T, sinh ngày 28-7- 2009 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

- Bà Trần Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số TU/2016/0007308 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà A đã nộp xong tiền án phí.

- Ông Nguyễn C không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Phước Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền